

Số: 4 /QĐ-TH&THCSPĐ

An Phú, ngày 05 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai dự toán năm 2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC VÀ THCS PHÚ ĐIỀN

Căn cứ Nghị định số 163/2016/TT-BTC ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định 519/QĐ-UBND của UBND xã An Phú ngày 31/7/2025 về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 cho các cơ quan, đơn vị xã An Phú sau sắp xếp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2025 của trường Tiểu học và THCS Phú Điền (theo biểu số 02 - 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính).

Thời gian thực hiện công khai kể từ ngày 05/8/2025

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Tổ trưởng Tổ hành chính, Kế toán trường Tiểu học và THCS Phú Điền và cán bộ, nhân viên có liên quan, căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Phòng KT xã;
- Lưu VT, KT


HIỆU TRƯỞNG
TIỂU HỌC VÀ
TRUNG HỌC CƠ SỞ
PHÚ ĐIỀN
Nguyễn Đức Hiếu

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
(Kèm theo Quyết định số 94 QĐ- TH&THCS ngày 05/8/2025
của trường Tiểu học và THCS Phú Điền)

ĐVT: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	126.900.000
1	Số thu phí, lệ phí	126.900.000
1	Học phí	126.900.000
2	Phí	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	126.900.000
1	Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề	126.900.000
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	126.900.000
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
1	Lệ phí	
2	Phí	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	9.788.889.000
1	Nguồn ngân sách trong nước	9.788.889.000
1	Chi quản lý hành chính	-
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	0,00
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	9.788.889.000
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	9.585.662.000
	Tiểu học	4.861.003.000
	THCS	4.724.659.000
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	203.227.000
	Tiểu học	29.304.000
	THCS	173.923.000
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	



Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
II	Nguồn vốn viện trợ	
1	Chi quản lý hành chính	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chi bảo đảm xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	
1	Chi quản lý hành chính	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chi bảo đảm xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	

